

Số: 14 /TB- ĐHVH HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2014

Biểu mẫu số 21

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng

Năm học 2013 – 2014

(Theo yêu cầu của công văn số 8448/BGDDĐT-KHTC ngày 22/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai năm học 2013-2014)

TT	Nội dung	Khóa học/Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)						Tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường có việc làm
					Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình	Chưa phân loại	
I	Đại học chính quy		3120	453							
	• Ngành Quản lý Văn hóa		813	129							
1.	Quản lý Văn hóa Khóa 4	2009 – 2 013	160	129	0%	6,25%	70,63%	3,75%	0%	19,37%	
2.	Quản lý Văn hóa Khoá 5	2010 - 2014	125	CTN							
3.	Quản lý Văn hóa Khóa 6	2011 - 2015	144	CTN							
4.	Quản lý Văn hoá Khoá 7	2012 – 2016	214	CTN							
5.	Quản lý Văn hoá Khoá 8	2013 – 2017	170	CTN							
	• Ngành Khoa học Thư		316	74							



	viện										
6.	Khoa học thư viện Khóa 4	2009 - 2013	78	74	0%	0%	87,2%	7,7%	0%	5,1%	
7.	Khoa học thư viện Khóa 5	2010 - 2014	73	CTN							
8.	Khoa học thư viện Khóa 6	2011 - 2015	49	CTN							
9.	Khoa học Thư viện Khóa 7	2012 - 2016	49	CTN							
10.	Khoa học Thư viện Khóa 8	2013 - 2017	67	CTN							
	• Ngành Bảo tàng học		128	16							
11.	Bảo tàng học Khóa 3	2009 - 2013	16	16	0%	0%	93,75%	6,25%	0%	0%	
12.	Bảo tàng học Khóa 4	2010 - 2014	19	CTN							
13.	Bảo tàng học Khóa 5	2011 - 2015	15	CTN							
14.	Bảo tàng học Khóa 6	2012 - 2016	33	CTN							
15.	Bảo tàng học Khóa 7	2013 - 2017	45	CTN							
	• Ngành Việt Nam học		976	87							
16.	Việt Nam học Khóa 4	2009 - 2013	101	87	0%	3%	77,22%	5,94%	0%	13,84%	
17.	Việt Nam học Khóa 5	2010 - 2014	134	CTN							
18.	Việt Nam học Khóa 6	2011 - 2015	253	CTN							
19.	Việt Nam học Khóa 7	2012 - 2016	289	CTN							
20.	Việt Nam học Khóa 8	2013 - 2017	199	CTN							
	• Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm		405	34							

21.	Kinh doanh XBP Khóa 3	2009 - 2013	37	34	0%	13,51%	70,27%	8,1%	0%	8,12%	
22.	Kinh doanh XBP Khoá 4	2010 - 2014	97	CTN							
23.	Kinh doanh XBP Khóa 5	2011 - 2015	68	CTN							
24.	Kinh doanh XBP Khoá 6	2012 - 2016	110	CTN							
25.	Kinh doanh XBP Khoá 7	2013 - 2017	93	CTN							
	• Ngành Văn hóa các Dân tộc thiểu số VN		109	26							
26.	Cử tuyển Văn hóa các DTTS VN Khoá 4	2009 - 2013	11	9	0%	9,1%	63,63%	9,1%	0%	18,17%	
27.	Cử tuyển Văn hóa các DTTS VN khoá 5	2010 - 2014	4	CTN							
28.	Cử tuyển Văn hóa các DTTS VN khóa 6	2011 - 2015	1	CTN							
29.	Văn hóa các DTTS VN khoá 2	2009 - 2013	17	17	0%	0%	88,24%	11,76%	0%	0%	
30.	Văn hóa các DTTS VN khóa 3	2010 - 2014	9	CTN							
31.	Văn hóa các DTTS VN Khóa 4	2011 - 2015	7	CTN							
32.	Văn hoá các DTTS VN Khoá 5	2012 - 2016	31	CTN							
33.	Văn hoá các DTTS VN Khoá 6	2013 - 2017	29	CTN							
	• Ngành Văn hóa học		373	87							
34.	Văn hóa học Khóa 3	2009 - 2013	117	87	0%	2,6%	66,67%	5,13%	0%	25,6%	
35.	Văn hóa học Khóa 4	2010 - 2014	22	CTN							
36.	Văn hóa học Khóa 5	2011 - 2015	22	CTN							



37.	Văn hoá học Khoá 6	2012 - 2016	97	CTN							
38.	Văn hoá học Khoá 7	2013 – 2017	115	CTN							
II.	Cao đẳng chính quy		1109	236							
	• Ngành Quản lý Văn hóa		319	70							
39.	Quản lý Văn hoá Khoá 9	2010 - 2013	84	70	0%	0%	81%	2,4%	0%	16,6%	
40.	Quản lý Văn hóa Khóa 10	2011 - 2014	56	CTN							
41.	Quản lý Văn hoá Khoá 11	2012 - 2015	82	CTN							
42.	Quản lý Văn hoá Khoá 12	2013 – 2017	97	CTN							
	• Ngành Khoa học Thư viện		142	40							
43.	Khoa học Thư viện Khoá 15	2010 - 2013	50	40	0%	0%	60%	20%	0%	20%	
44.	Khoa học Thư viện Khóa 16	2011 - 2014	37	CTN							
45.	Khoa học Thư viện Khoá 17	2012 - 2015	26	CTN							
46.	Khoa học Thư viện Khoá 18	2013 – 2017	29	CTN							
	• Ngành Bảo tàng học		105	29							
47.	Bảo tàng học Khoá 14	2010 - 2013	39	29	0%	0%	56,41%	17,95%	0%	25,64%	
48.	Bảo tàng học Khóa 15	2011 - 2014	33	CTN							
49.	Bảo tàng học Khoá 16	2012 - 2015	23	CTN							
50.	Bảo tàng học Khoá 17	2013 – 2017	10	CTN							
	• Ngành Việt Nam học		394	55							
51.	Việt Nam học Khoá 14	2010 - 2013	72	55	0%	0%	29,17%	47,22%	0%	23,61%	

52.	Việt Nam học Khóa 15	2011 - 2014	103	CTN							
53.	Việt Nam học Khóa 16	2012 - 2015	125	CTN							
54.	Việt Nam học Khóa 17	2013 - 2017	94	CTN							
	• Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm		149	42							
55.	Kinh doanh XBP Khóa 12	2010 - 2013	49	42	0%	0%	51%	34,7%	0%	14,3%	
56.	Kinh doanh XBP Khóa 13	2011 - 2014	31	CTN							
57.	Kinh doanh XBP Khóa 14	2012 - 2015	41	CTN							
58.	Kinh doanh XBP Khóa 15	2013 - 2017	28	CTN							
III	Sau đại học		188	0							
	• Ngành Quản lý văn hóa										
59.	Quản lý Văn hóa Khóa 1	2011 - 2014	57	CTN							
60.	Quản lý Văn hoá Khóa 2	2012 - 2014	65	CTN							
61.	Quản lý Văn hoá Khóa 3	2013 - 2015	46	CTN							
	• Ngành Văn hóa học										
62.	Văn hóa học Khóa 1	2013 - 2015	20	CTN							

Ghi chú: Số liệu của “Biểu mẫu 21” lấy từ Phòng Đào tạo Trường tính đến ngày 05/1/2013.



Đỗ Ngọc Anh